

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 194/2024/DS-PT

Ngày: 29/3/2024

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng
đất, lối đi”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em;

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất, lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 382/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1966;

1.2. Ông Lâm Văn O, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1936 (chết ngày 02/6/2018);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L:

- Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; (Xin vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967; (chết ngày 04/6/2018);

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1:

+ Bà Bùi Thị Kim M, sinh năm 1965; (Xin vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Thiện T, sinh năm 1995; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1980; (Xin vắng mặt)

3.2. Chị Nguyễn Thị Thảo U, sinh năm 1999; (Xin vắng mặt)

3.3. Bà Ông Thị L2, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)

3.4. Bà Võ Thị Hồng C2, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 2009;

3.6. Cháu Nguyễn Thị Thảo Y, sinh năm 2013;

Đại diện theo pháp luật của cháu V và cháu Y: Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1976; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)

3.8. Chị Nguyễn Thị Hoài T1, sinh năm 2001;

3.9. Cháu Nguyễn Hoài N2, sinh năm 2008;

Đại diện theo pháp luật của cháu N2: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.10. Ông Trần Văn Á, sinh năm 1938 (chết ngày 01/3/2019);

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Á:

- Bà Lê Thị A, sinh năm 1942; (Vắng mặt)

- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn N3, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn C3, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn N4, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.11. Bà Nguyễn Thị Thùy V1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.12. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1944 (chết ngày 02/7/2020);

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đ:

- Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1966; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3.13. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang; (Xin vắng mặt)

Đại diện: Ông Huỳnh Thanh B – Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, anh Nguyễn Thiện T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N1, chị Nguyễn Thị Thảo U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn O và ông Phạm Văn C trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông O và ông C nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn Á vào năm 2004 bằng giấy tay. Đến năm 2008 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp phần đất diện tích 2.793,8m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008. Phần đất diện tích 2.793,8m², thửa đất số 11 của ông O, ông C giáp ranh với thửa đất số 02, diện tích 2274,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Đặng Thị L, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2016, ông O, ông C, bà L2, bà C2 chuyển nhượng phần đất diện tích 2.793,8m², thửa đất số 11 cho bà Nguyễn Thị Thùy V1, có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi xác định ranh đất để lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà V1 thì tranh chấp ranh đất với bà L, do bà L sử dụng đất lấn ranh sang đất của ông O, ông C. Qua đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 262,3m² theo sơ đồ trích đo thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đo đạc ngày

13/6/2017. Sau khi bà L và ông H1 chết, những người trong hộ bà L tiếp tục sử dụng đất cho đến nay. Nay ông O yêu cầu những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của bà L, ông H1 và những người trong hộ bà L, gồm: ông L1, ông C1, ông H, bà M, ông T, bà N1, chị U liên đới trả lại cho ông O, ông C diện tích đất 262,3m² theo sơ đồ trích đo thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G do đạc ngày 13/6/2017; trả đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông O không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà V1. Ông O với bà V1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; nếu có tranh chấp thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Ngày 27/01/2021 ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu những người thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ của bà L, ông H1 và những người trong hộ bà L gồm anh L1, anh C1, anh H, chị M, anh T, chị N1, chị U chấm dứt việc tự tạo lối đi bằng qua thửa đất 11 của hai ông như sơ đồ bản vẽ thẩm tra của Tòa án. Hai ông đồng ý tạo cho phía bị đơn được sử dụng lối đi tạm bằng qua thửa đất của hai ông ở vị trí giáp cống Rạch Sâu có bề ngang 01m, chỉ được đổ đá mi để đi không được tráng bê tông (vì sau này hai ông còn sử dụng kinh doanh vận chuyển vật tư xây dựng bằng đường sông). Yêu cầu những người thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ của bà L, ông H1 và những người trong hộ bà L gồm anh L1, anh C1, anh H, chị M, anh T, chị N1, chị U phải di dời toàn bộ đường dây điện về vị trí phía tây giáp sát Cống Rạch Sâu có độ cao an toàn trên 5m, di dời toàn bộ đường ống nước đặt ở vị trí phía Tây giáp cống Rạch S (đặt cập theo đường C cách mặt đất 0,5m).

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn bà Đặng Thị L:

- Ông Nguyễn Thanh L1 trình bày: Nguồn gốc đất của bà L là do bà L tạo lập. Đến năm 2008, bà L được Ủy ban nhân dân huyện G cấp phần đất diện tích 2274,4m², thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02481 ngày 24/3/2008. Thửa đất số 2, diện tích 2274,4m² của bà L giáp ranh với thửa đất số 11, diện tích 2793,8m² của ông C, ông O theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Phạm Văn C và Lâm Văn O, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Năm 2004 thì bà L với ông C, ông O cũng có tranh chấp ranh đất và đến năm 2016 ông C, ông O, bà L2, bà C2 chuyển nhượng đất cho bà V1 thì vẫn còn tranh chấp đất. Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích là 262,3m² theo sơ đồ trích đo thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G do đạc ngày 13/6/2017. Phần đất tranh chấp diện tích là 262,3m² thuộc quyền sử dụng của bà L, không có lần đất của ông C, ông O. Sau khi bà L chết, ông L1 và những người trong hộ tiếp tục sử dụng đất cho đến nay.

- Ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ông Nguyễn Thiện T có đơn phản tố trình bày: trên phần đất thửa số 2, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.274,4m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02481 ngày 24/3/2008 do bà Đặng Thị L đứng tên, hiện có 03 ngôi nhà của 03 hộ gia đình bao gồm hộ ông L1, ông H, bà M đang sinh sống. Hộ gia đình của ông L1 có các

thành viên là ông L1, bà N1, cháu Thảo U, cháu Y. Hộ gia đình ông H có các thành viên Nguyễn Văn H, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Hoài T1, Nguyễn Thiện N5. Hộ bà M có các thành viên là Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thị Trúc N6, Nguyễn Thiện T2. Hiện nay để đi được từ đê S và ngược lại thì các thành viên trong 03 hộ gia đình nêu trên đang đi trên lối đi duy nhất là đi ngang qua thửa đất số 11, tờ bản đồ số 13 của ông C, ông O có chiều ngang khoảng 01m, diện tích 54,3m², lối đi này đã có từ rất lâu. Nay với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông C, ông O thì các ông bà không đồng ý bởi lối đi này ông C và ông O đồng ý tạo lối đi tạm, chỉ đồng ý cho đổ đá mi, không được trán bê tông, có chiều ngang 01 nằm ở vị trí phía Tây của thửa đất (giáp cống Rạch Sâu), có địa thế rất nguy hiểm, giáp cống Rạch S, chưa có bờ kè, tình trạng sạt lở đất có thể xảy ra, hiện nay 03 gia đình có 06 cháu nhỏ đi học mỗi ngày nên rất nguy hiểm. Vào đến tháng 10, 11, 12 thì xảy ra hiện tượng nước lớn, ngập các lối đi cho nên chỉ cho đổ đá mi mà không cho trán bê tông hoặc gia cố lối đi thì rất nguy hiểm. Đường dây điện thì đi ngang qua thửa đất số 11, tờ bản đồ số 13 của ông C, ông O nên các ông bà đồng ý di dời đường dây điện nằm ở vị trí phía Tây thửa đất giáp cống Rạch S. Riêng đường ống nước hiện nay được đặt sâu dưới đất, cố định tại vị trí giáp đập Rạch S, không ảnh hưởng gì đến việc sử dụng đất của nguyên đơn, trước đây các ông bà đặt đường ống dẫn nước thì nguyên đơn có đồng ý cho nên hiện nay, các ông bà không đồng ý di dời đường ống nước nêu trên. Nhằm để đảm bảo cho việc đi lại được an toàn và thuận tiện nay các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông C, ông O tạo cho các ông bà lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 50m nằm ở vị trí phía Tây của thửa đất giáp cống Rạch Sâu, thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.793,8m² loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O đứng tên quyền sử dụng đất, các ông bà đồng ý bồi hoàn lại giá trị đất của lối đi mà các ông bà yêu cầu tạo theo giá của Hội đồng định giá, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn C1 trình bày: ông C1 là con ruột của bà L; trước đây ông C1 có sử dụng phần đất của bà L, nhưng từ khi bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 cho đến nay, ông C1 không còn sử dụng đất. Phần đất tranh chấp diện tích 262,3 m² là đất của bà L. Ông C1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C và ông O.

- Ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2018, ông H trình bày: ông H là con ruột của bà L; ông H không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C và ông O.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H1 là bà Bùi Thị Kim M trình bày: bà M là vợ của ông H1. Bà M thống nhất theo lời trình bày của ông C1 và ông L1, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C và ông O.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Thiện T có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2018,

anh T trình bày: Anh T là con ruột của ông H1 ; anh T không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông C và ông O.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N1 trình bày: Bà N1 là vợ của ông L1, cùng hộ với bà L. Bà N1 thống nhất theo lời trình bày của ông L1. Bà N1 không đồng ý trả lại đất cho ông C và ông O.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thảo U có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2018, chị U trình bày: Chị U là con ruột của ông L1 sống chung hộ với bà L, ông L1. Chị U thống nhất với lời trình bày của ông L1, không đồng ý trả lại đất cho ông C và ông O.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Thảo V và Nguyễn Thị Thảo Y, ông Nguyễn Thanh L1 trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên, không đồng ý trả đất cho ông C và ông O.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy V1 trình bày: Vào năm 2016, bà V1 nhận chuyển nhượng của ông C, ông O, bà L2, bà Cao phần đất diện tích 2.793,8m², thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, giá đất chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, đã giao trước cho ông C, ông O, bà C2, bà L2 250.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng; đến khi nào chuyển quyền sử dụng đất xong cho bà V1 thì bà V1 trả 50.000.000 đồng cho ông C, ông O, bà L2, bà C2; có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng chưa lập thủ tục sang tên do ông C, ông O tranh chấp ranh đất với bà L. Bà V1 không có tranh chấp đất với với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L và người trong hộ bà L. Còn việc chuyển nhượng đất để bà V1 với ông C, ông O, bà C2, bà L2 tự thỏa thuận sau khi giải quyết xong việc tranh chấp ranh đất, không yêu cầu giải quyết, nếu sau này không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Bà V1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ông Thị L2 trình bày: Vào năm 2016, bà L2 với ông C, ông O, bà C2 chuyển nhượng cho bà V1 diện tích 2.793,8m², có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng chưa lập thủ tục sang tên do đang tranh chấp ranh đất với bà L. Nay việc tranh chấp ranh đất bà L2 thống nhất theo yêu cầu của ông C, ông O. Còn việc chuyển nhượng đất với bà V1 để bà L2 với bà V1 thỏa thuận sau khi giải quyết xong việc tranh chấp ranh đất; nếu sau này không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Bà L2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng C5 trình b: Vào năm 2016, bà C2 với ông O, ông C, bà L2 chuyển nhượng cho bà V1 diện tích 2.793,8m², có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng chưa lập thủ tục sang tên do đang tranh chấp ranh đất với bà L. Nay việc tranh chấp ranh đất bà C2 thống nhất theo yêu cầu của ông O và ông C. Còn việc chuyển nhượng đất với bà V1 để bà C2 với bà V1 thỏa thuận sau khi giải quyết xong việc tranh chấp ranh đất; nếu sau này không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Bà C2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần Văn Á là Lê Thị A, Trần Thị H2, Trần Văn N3, Trần Văn C3, Trần Văn N4 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà A, bà H2, ông N3, ông C3, ông N4 nhưng bà A, bà H2, ông N3, ông C3, ông N4 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông O.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Lê Thị Đ là ông Lê Văn Đ1 và bà Lê Thị K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ1, bà K nhưng ông Đ1, bà K không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông O.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G đại diện là ông Huỳnh Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt..

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 382/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Các khoản 2, 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ của Tòa án. . . .

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O.

- Buộc ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, anh Nguyễn Thiện T, bà Võ Thị N1, chị Nguyễn Thị Thảo U và những thành viên trong hộ có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O diện tích đất 262,3m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Đông giáp đập Rạch S; Tây giáp Cống R; Nam giáp đất ông Phạm Văn C và Lâm Văn O; Bắc giáp đất bà Đặng Thị L.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ông Nguyễn Thiện T.

Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm mở lối đi cho các hộ ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ngang 1m, dài 49m, diện tích là 49m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O đứng tên, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Đông giáp đất của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O; Tây giáp đất của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O (phần đất bị sạt lở); Nam giáp đê bao Sông Tra; Bắc giáp đất hộ gia đình bà Đặng Thị L đang sử dụng

Việc mở lối đi được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật và các hộ ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M được đổ bê tông trên lối đi được mở.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề với thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013, Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh L1 số tiền 15.519.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm mười chín nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 487.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Kim M số tiền 2.038.000 đồng (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Thanh L1 có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 -10cm; 01 cây mai chiếu thủy đường kính 5 – 10cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 – 10cm; 01 cây mai vàng có đường kính 10 – 20cm; 01 cây mai chiếu thủy đường kính 5 – 10cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật

Buộc bà Bùi Thị Kim M có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 – 10cm; 01 cây mai chiếu thủy đường kính 10 -20cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O được sở hữu sân đan nền bê tông xi măng diện tích 68,58m²; 5 cây dừa loại B1; đồ đá khối lượng 1,32m³; đồ đá khối lượng 2,6m³ có giá là 728.000 đồng và đá đổ từ đê Sông T3 đến đầu phần sân đồ đá trước nhà bà M có khối lượng 2,45m³; 03 cây cau; 01 cây me loại B2

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ông Nguyễn Thiện T tự nguyện di dời đường dây điện và đường ống dẫn nước qua phần lối đi được mở cạp đê Sông Tra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 10 tháng 10 năm 2023, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu trả lại phần đất tranh

chấp diện tích 262,3 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3, tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của bà L, ông H1 và những người trong hộ bà L, gồm: ông L1, ông C1, ông H3, bà M, ông T, bà N1, chị U trả lại cho ông O, ông C diện tích đất 262,3m²; chấm dứt việc tự tạo lối đi băng qua thửa đất 11 của hai ông như sơ đồ bản vẽ thẩm tra của Tòa án; di dời toàn bộ đường dây điện về vị trí phía tây giáp sát Công Rạch Sâu có độ cao an toàn trên 5m, di dời toàn bộ đường ống nước đặt ở vị trí phía Tây giáp công Rạch S (đặt cặp theo đường C cách mặt đất 0,5m). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn H, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T có đơn phản tố yêu cầu ông C, ông O tạo cho các ông bà lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 50m nằm ở vị trí phía Tây của thửa đất giáp công Rạch Sâu, thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.793,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O đứng tên quyền sử dụng đất.

- Người kháng cáo các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp đòi 262,3m².

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 382/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn Ở khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ của bà L, ông H1 và những người trong hộ bà L gồm: ông L1, ông C1, ông H3, bà M, ông T, bà N1, chị U trả lại cho ông Ở, ông C diện tích đất 262,3m²; chấm dứt việc tự tạo lối đi băng qua thửa đất 11 của hai ông như sơ đồ bản vẽ thẩm tra của Tòa án; di dời toàn bộ đường dây điện về vị trí phía tây giáp sát Cống Rạch Sâu có độ cao an toàn trên 5m, di dời toàn bộ đường ống nước đặt ở vị trí phía Tây giáp cống Rạch S (đặt cập theo đường cống Rạch Sâu cách mặt đất 0,5m); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn H, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T có đơn phản tố yêu cầu ông C, ông Ở tạo cho các ông bà lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 50m nằm ở vị trí phía Tây của thửa đất giáp cống Rạch Sâu, thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.793,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn Ở đứng tên quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 9, khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn Ở với bị đơn bà Đặng Thị L là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 10 tháng 10 năm 2023, các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng xác định phần đất tranh chấp diện tích 262,3 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3, tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang là của bà L. Như vậy những người kháng cáo chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc tranh chấp 262,3 m². Các tranh chấp khác không kháng cáo nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét nội dung này.

- Về nguồn gốc đất của ông C và ông Ở 1 nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Á và bà Lê Thị Đ vào năm 2004. Còn phần đất của bà L là do bà L tạo lập. Qua đo đạc thực tế thì phần đất mà các bên tranh chấp có diện tích là 262,3 m², hiện do bà L và những người trong hộ bà L sử dụng.

- Theo kết quả đo đạc thực tế thì phần đất của bà L có diện tích 2274,4 m² (1343,1 m² + 476,2 m² + 395,9 m² + 59,2 m²). Nếu cộng thêm diện tích tranh chấp 262,3 m², thì đất bà L dư 262,3 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Phần đất của ông C và ông O có diện tích 2.793,8 m² (2221,8 m² + 203,7 m² + 106,0 m² + 262,3 m²). Nếu trừ đi phần đất tranh chấp 262,3 m², thì đất ông C và ông O thiếu 262,3 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Theo sơ đồ trích đo thửa đất tranh chấp ngày 13/6/2017 (bút lục số 95) phía bà L cho rằng phần đất diện tích 476,2 m² là của ông Trần Văn Á; tuy nhiên theo Công văn số 107/UBND-TT ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện G cung cấp (bút lục số 127) thì phần đất diện tích 476,2 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02481 ngày 24/3/2008; đồng thời tại biên bản xác minh ngày 05/7/2018 (bút lục 349) ông Trần Văn Á từ trước đến nay không có sử dụng phần đất này, nên có cơ sở xác định phần đất diện tích 476,2 m² đã cấp cho bà L.

- Qua trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, ông O thấy rằng các bên đăng ký diện tích đất đúng bằng với diện tích đất đã được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo trình bày của các bên tại phiên tòa thì số liệu diện tích đất cụ thể của ông C, ông O, bà L thể hiện trong đơn xin cấp giấy là do cán bộ địa chính cung cấp qua đo đạc thực tế các thửa đất. Do đó có cơ sở xác định bà L và những người trong hộ bà L sử dụng phần đất diện tích 262,3 m² đã lấn sang đất của ông C và ông O do ranh đất giữa hai bên không có vật làm chuẩn. Nay bà L và ông H1 chết, nên ông C và ông O yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L, ông H1 và người trong hộ bà L gồm: ông L1, ông C1, ông H3, bà M, anh T, bà N1, chị U liên đới trả lại cho ông C và ông O diện tích đất 262,3 m² là có cơ sở chấp nhận.

* Từ các chi tiết trên cho thấy diện tích đất 02 bên đương sự được cấp đúng với diện tích xin cấp giấy đã được nhà nước công nhận trên giấy. Trên thực tế thì bà L và thành viên hộ đang sử dụng dư 262,3 m². Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là có căn cứ. Các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên bác.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 9, khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 175, Điều 254 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai;

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ của Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 382/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O

- Buộc ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, anh Nguyễn Thiện T, bà Võ Thị N1, chị Nguyễn Thị Thảo U và những thành viên trong hộ có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O diện tích đất 262,3 m², thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Đông giáp đập Rạch S; Tây giáp Công R; Nam giáp đất ông Phạm Văn C và Lâm Văn O; Bắc giáp đất bà Đặng Thị L (Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh L1 số tiền 15.519.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm mười chín nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 487.000 đồng (bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Kim M số tiền 2.038.000 đồng (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Thanh L1 có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 -10cm; 01 cây mai chiều thủy đường kính 5 – 10cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 – 10cm; 01 cây mai vàng có đường kính 10 – 20cm; 01 cây mai chiều thủy đường kính 5 – 10cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Buộc bà Bùi Thị Kim M có trách nhiệm di dời 01 cây mai vàng đường kính 5 – 10cm; 01 cây mai chiều thủy đường kính 10 -20cm ra khỏi phần đất tranh chấp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O được sở hữu sân đan nền bê tông xi măng diện tích 68,58m²; 5 cây dừa loại B1; đổ đá khối lượng 1,32m³; đổ đá khối lượng 2,6m³ có giá là 728.000 đồng và đá đổ từ đê Sông T3 đến đầu phần sân đổ đá trước nhà bà M có khối lượng 2,45m³; 03 cây cau; 01 cây me loại B2

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của của các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T.

Buộc ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O có trách nhiệm mở lối đi cho các hộ ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ngang 1m, dài 49m, diện tích là 49m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00846 ngày 24/3/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O đứng tên, đất tại ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau: Đông giáp đất của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O; Tây giáp đất của ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O (phần đất bị sạt lở); Nam giáp đê bao Sông Tra; Bắc giáp đất hộ gia đình bà Đặng Thị L đang sử dụng (có sơ đồ kèm theo). Các hộ ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T được đổ bê tông trên lối đi được mở.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề với thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013, Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Kim M, ông Nguyễn Thiện T tự nguyện di dời đường dây điện và đường ống dẫn nước qua phần lối đi được mở cấp đê Sông Tra.

Thời hạn thực hiện các quyết định trên sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012555 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Các ông bà Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thanh H3, Bùi Thị Kim M, Nguyễn Thiện T, Võ Thị N1, Nguyễn Thị Thảo U đã nộp xong án phí phúc thẩm.

+ Ông L1, ông C1, ông H3, bà M, anh T, bà N1, chị U phải liên đới nộp 9.180.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.312.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông L1, ông H3, bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu số 0026770

ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên ông L1, ông C1, ông H3, bà M, ông T, bà N1, chị U còn phải nộp tiếp 7.868.000 đồng.

+ Ông Phạm Văn C và ông Lâm Văn O phải chịu 1.102.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông C, ông O đã nộp theo biên lai thu số 38144 ngày 12/10/2016 và 0017132 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên ông C, ông O còn phải nộp tiếp 302.200 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân